

Bản án số: 239/2024/HS-ST
Ngày 22 - 8 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hoàn;
- Bà Trần Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Linh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 202/2024/TLST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 246/2024/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Ngô Trường Sơn E, sinh năm 1981 tại Thành phố Hà Nội; thường trú: Thôn A G, xã B, huyện G, Thành phố Hà Nội; chỗ ở: thôn B G, xã B, huyện G, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Đoàn T, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1959; có vợ tên là Phạm Tô N, sinh năm 1981 và 03 người con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 21/3/2024 đến ngày 27/5/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay, có mặt.

- Bị hại: Ông Trần Mạnh K, sinh năm 1973; địa chỉ: A B, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh B, vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1976; địa chỉ: A B, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh B, vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt;

2. Ông Ngô Đoàn T, sinh năm 1949; địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện G, Thành phố Hà Nội, vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Bà Phạm Tô M, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện G, Thành phố Hà Nội, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 09 giờ 08 phút ngày 03/12/2021, ông K chuyển tiền trên ứng dụng internet banking từ số tài khoản 04029565601 của ông K tại Ngân hàng Cổ phần T2 (gọi tắt là T3) đến số tài khoản 25998888 Ngân hàng Thương mại Cổ phần T2 (gọi tắt là A) của chị Hoàng Thị H, mỗi giao dịch chuyển khoản số tiền 300.000.000 đồng. Tuy nhiên, do không chú ý và không kiểm tra trước khi chuyển nên có 01 giao dịch ông K chuyển nhầm số tiền 300.000.000 đồng vào số tài khoản 22998888 tại A của Ngô Trường Sơn E. Lúc 14 giờ cùng ngày, ông K đến T3 chi nhánh D báo việc chuyển nhầm tiền và được nhân viên T3 chi nhánh D thông báo đã làm thủ tục báo cho A tiếp nhận, hẹn ông K thời hạn 45 ngày để A liên hệ và làm việc với Ngô Trường Sơn E.

Lúc 10 giờ 30 phút ngày 04/12/2021 nhân viên A chi nhánh K1 - D, Bình Dương liên lạc được với Ngô Trường Sơn E và được Em trả lời là không sử dụng chức năng báo số dư tự động bằng tin nhắn trên điện thoại và hẹn đến ngày 06/12/2021 đến A xác nhận lại thông tin số dư. Ngân hàng A đã thông báo cho ông K biết Ngô Trường S Em không hợp tác chuyển trả lại số tiền đã chuyển nhầm.

Ngày 20/6/2022 T3 có văn bản phản hồi về việc đề nghị hủy lệnh chuyển tiền liên ngân hàng cho ông Trần Mạnh K có nội dung: T3 đã liên hệ với bộ phận có liên quan của A đề nghị hỗ trợ liên hệ với người thụ hưởng. A phản hồi như sau: *“Đơn vị quản lý tài khoản liên hệ thông báo cho khách hàng, khách hàng phản hồi sẽ kiểm tra lại. Sau đó, đơn vị hỗ trợ nhiều lần liên hệ thêm với khách hàng nhưng không hệ lại được với khách hàng nữa”*.

Ngày 21/6/2022 ông K đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D trình báo sự việc. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D lập hồ sơ tiếp nhận nguồn tin về tội phạm và tiến hành xác minh. Quá trình điều tra xác định được, sau khi nhận số tiền 300.000.000 đồng từ ông K thì bị cáo E đã dùng số tiền này để tất toán khoản vay ngân hàng vào ngày 10/12/2021. Sau đó, Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã nhiều lần làm việc với Em, thông báo nội dung sự việc chuyển nhầm tiền và yêu cầu bị cáo chuyển trả lại số tiền 300.000.000 đồng cho bị hại nhưng bị cáo vẫn không trả lại. Ngày 05/02/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can đối với Ngô Trường Sơn E để điều tra.

Cáo trạng số 219/CT-VKS-DA ngày 24/6/2024 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Ngô Trường Sơn E về tội “Chiếm

giữ trái phép tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 176 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 176; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Ngô Trường S Em mức án tù 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 (năm) đến 03 (ba) năm.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Trần Mạnh K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 đã nhận lại được số tiền 300.000.000 đồng từ ba ruột của bị cáo là ông Ngô Đoàn T và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác. Ông T và bà M vợ của bị cáo E đều xác định số tiền bồi thường thay cho bị cáo là tiền của ông T và bà M. Ông T và bà M không yêu cầu bị cáo E trả lại số tiền này nên trách nhiệm về dân sự không đặt ra xem xét.

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Phạm Tô M có mặt tại phiên tòa nhưng không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, khung hình phạt và trách nhiệm dân sự. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1, ông Ngô Đoàn T vắng mặt nên không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, khung hình phạt và trách nhiệm dân sự. Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình tố tụng, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị T1 và ông Ngô Đoàn T vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Căn cứ xác định bị cáo phạm tội: Căn cứ vào lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, những chứng cứ, tài liệu được thu thập trong hồ sơ vụ án, xác định: Lúc 09 giờ 08 phút ngày 03/12/2021, ông Trần Mạnh K đã chuyển nhầm số tiền 300.000.000 đồng trên ứng dụng internet banking từ số tài

khoản 04029565601 của ông K tại T3 đến số tài khoản 22998888 tại A của Ngô Trường Sơn E. Sau đó, bị hại và ngân hàng đã nhiều lần liên hệ yêu cầu trả tiền nhưng bị cáo E không trả lại mà sử dụng số tiền 300.000.000 đồng để tất toán ngân hàng vào ngày 10/12/2021.

Như vậy, hành vi cố tình không trả lại 300.000.000 đồng cho bị hại anh K khi được yêu cầu trả từ anh K, ngân hàng và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D của bị cáo E đã đủ yếu tố cấu thành tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 176 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, Cáo trạng số 219/CT-VKS-DA ngày 24/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Ngô Trường Sơn E về tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” theo khoản 2 Điều 176 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; bị cáo hoàn toàn đủ năng lực bào trách nhiệm hình sự.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện là tội phạm nghiêm trọng đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi chiếm giữ tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo và có thái độ ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại thay cho bị cáo, ba bị cáo là ông Ngô Đoàn T là người có công với cách mạng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt thể hiện bị cáo không có tiền án, tiền sự. Ngoài ra, bị cáo còn là lao động chính trong gia đình phải trực tiếp chăm sóc ba mẹ già và có 03 người con, trong đó có 02 người con đang độ tuổi trưởng thành, 01 người con còn nhỏ chỉ mới 07 tuổi nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[7] Về hình phạt: Xét mặc dù bị cáo phạm tội nghiêm trọng nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nghề nghiệp ổn định, có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian tại ngoại bị cáo chấp hành tốt chính sách pháp luật tại địa phương. Vì vậy, việc không cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian cũng không ảnh hưởng đến việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm tại địa phương, nên quyết định áp dụng loại hình phạt tù có điều kiện đối với bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi

cư trú. Do áp dụng hình phạt tù có điều kiện đối với bị cáo nên cần hủy bỏ Quyết định về việc bảo lãnh số: 01/2024/HSST-QĐBL ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Ba và vợ của bị cáo Ngô Trường Sơn E là ông Ngô Đoàn T và bà Phạm Tô M đã bồi thường thay cho bị cáo số tiền 300.000.000 đồng cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 của bị hại đã nhận số tiền trên và không có yêu cầu bồi thường gì khác. Ông T, bà M cũng không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã bồi thường thay nên trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Xét đề nghị Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo và trách nhiệm dân sự là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Ngô Trường Sơn E phạm tội “Chiếm giữ tài sản trái phép”.

Áp dụng khoản 2 Điều 176; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2018/NĐ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số 01/2022/NĐ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Xử phạt bị cáo Ngô Trường S Em 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Ngô Trường Sơn E thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Hủy Quyết định về việc bảo lãnh số: 01/2024/HSST-QĐBL ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

2. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản

lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Ngô Trường Sơn E phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bị cáo (01);
- Người tham gia tố tụng (04);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- Công an thành phố Dĩ An (01);
- Trại giam CA tỉnh Bình Dương (01);
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- UBND nơi bị cáo cư trú (02);
- Phòng PV 27 CA tỉnh Bình Dương (01);
- Phòng PC 81 CA tỉnh Bình Dương (01);
- Lưu: VT,HSVA (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ngọc Mai